

150

THUẬT NGỮ VĂN HỌC

LẠI NGUYỄN ÂN
BIÊN SOẠN



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Lại Nguyên Ân

150 thuật ngữ văn học / Lại Nguyên Ân b.s. - H. : Văn học ; Công ty Văn hoá Minh Tân, 2016. - 588tr. ; 21cm
ISBN 9786046997832

1. Từ điển thuật ngữ 2. Văn học
803 - dc23

VHL0146p-CIP

LỜI DẪN

Trong vòng mười năm trở lại đây, tôi có tham gia biên soạn thuật ngữ văn học trong một vài công trình tập thể; có cuốn đã xuất bản (*Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1992; NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội tái bản, 1998, 2000), có cuốn đến nay vẫn còn chưa ra mắt.

Nhận thấy số mục từ mình biên soạn đã khá nhiều, tôi muốn tập hợp chúng lại thành một cuốn sách riêng. Ý định của tôi, ngay từ đầu đã được nhà nghiên cứu lão thành Đỗ Đức Hiếu cổ vũ.

Cuốn sách này gồm khoảng trên 150 thuật ngữ văn học. Số lượng thuật ngữ ở đây quả là còn xa mới bao quát được toàn bộ các bình diện, các cấp độ, các sắc thái, dù ở mức khái lược, của một loại hiện tượng văn hoá nhân bản đặc sắc và vô cùng phong phú là văn học và các chuyên ngành nghiên cứu nó. Những mục từ đã soạn và đưa vào đây cũng chưa mang tính hệ thống hoá chặt chẽ. Tuy vậy, từng mục từ, dưới một thuật ngữ cụ thể với các hàm nghĩa chứa đựng trong đó, luôn luôn có tính độc lập tương đối. Ở phương diện này, cuốn sách có thể có ích cho sinh viên, giáo viên, giảng viên và nhà nghiên cứu mới vào nghề.

Nội dung các kiến thức trình bày trong các mục từ, nếu có phần nào là kết quả tìm tòi của chính người soạn, cũng ở mức

*hết sức ít ỏi. Còn lại, phần chủ yếu là các kiến thức được lựa chọn, biên soạn, biên dịch từ một số sách lý luận, nghiên cứu của các tác giả người Việt hoặc người nước ngoài, bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Nga, trong số đó đáng kể nhất là các cuốn **Từ điển bách khoa văn học** (Moskva, 1987), **Từ điển mỹ học** (Moskva, 1989)...*

Trong ý hướng soạn sách tham khảo, người soạn không cố giữ cân đối về độ dài, về nội dung giữa các mục từ; thuật ngữ nào còn được biết hơi ít, khái niệm nào còn chưa mấy phổ biến nhưng đáng được quan tâm, v.v... - sẽ được người soạn đề cập kỹ lưỡng hơn.

Trong tình hình sách thuật ngữ về văn học còn khá hiếm như hiện nay, hy vọng cuốn sách này sẽ có ích.

Hà Nội, tháng Chạp 1998

LẠI NGUYỄN ÂN

GHI THÊM NHÂN LẦN IN THỨ BA, 2004

Sau hai lần in, sách 150 THUẬT NGỮ VĂN HỌC đã tỏ ra có ích cho người sử dụng. Lần in thứ ba này, mặc dù một số thuật ngữ trong sách đã vượt ngoài con số 150, người soạn vẫn giữ tên sách như cũ. Và để các bạn đang có trong tay các bản in hai lần trước vẫn có thể yên tâm dùng sách cũ, người soạn nêu rõ những bổ sung qua hai lần in lại:

Lần in thứ hai (2002) so với lần in đầu: sửa nhan đề mục từ **Văn học viễn tưởng** thành **Văn học giả tưởng**; bổ sung mới hai mục từ **Trường phái lịch sử-tinh thần** và **Trường phái văn hóa-lịch sử**.

Lần in thứ ba (2004) so với lần in thứ hai: viết mới lại nội dung một mục từ **Chủ nghĩa hiện đại**, bổ sung mới một mục từ **Văn học và lịch sử**.

Như đã nói rõ từ trước, hầu hết các mục từ tôi soạn vốn là tham gia những công trình từ điển tập thể; tuy vậy các mục từ đó ở dạng in ra trong các công trình ấy không tránh khỏi sự biên tập sửa đổi bởi nhóm chủ biên. Vì vậy tự nhiên là người soạn vẫn gắn bó nhiều hơn với dạng thức các mục từ như trong cuốn sách nhỏ này.

Hà Nội, tháng Bảy 2004

L.N.A.

GHI THÊM NHÂN LẦN IN THỨ TƯ, 2016

Gần hai chục năm đã qua kể từ lần in đầu, cuốn sách nhỏ này đã được đón nhận như sách tham khảo cần thiết cho nhiều bạn đọc khác nhau. Soạn giả từng được bạn bè thông báo là sách bị in nhái, rồi gần đây chính soạn giả có lần thấy bản in nhái sách này bày bán công nhiên tại một hội sách... Điều đáng phàn nàn này, ở mặt trái của nó, lại cho thấy cuốn sách vẫn còn nằm trong nhu cầu của không ít bạn đọc.

Lần in thứ tư này giữ văn bản nguyên như lần in thứ ba. Soạn giả đã tự mình xem lại bản đánh máy cũ, chỉnh sửa đôi chỗ sơ xuất, chứ không có thay đổi gì đáng kể.

Hà Nội, tháng Chín 2016

L.N.A.

ANH HÙNG CA

Tác phẩm tự sự sử thi cỡ lớn, hoành tráng, chủ đề mang tính toàn dân, toàn dân tộc. Ở những thời kỳ phát triển ban đầu của sáng tác ngôn từ, dạng thức phổ biến hơn cả là sử thi anh hùng (xem: *Sử thi*).

Anh hùng ca (épopée) miêu tả những sự kiện và xung đột cốt yếu của đời sống: hoặc là những xung đột của các lực lượng thiên nhiên mà trí tưởng tượng dân gian xem là thần linh; hoặc là những xung đột quân sự giữa các bộ lạc, các dân tộc. Các thiên anh hùng ca cổ đại và trung đại phần lớn là những tác phẩm bằng thơ, được hình thành hoặc là bằng cách hợp nhất nhiều bài tự sự sử thi ngắn, hoặc là bằng cách mở rộng một sự kiện trung tâm. Về sau, anh hùng ca dân gian được một số nhà thơ mô phỏng để tạo ra những anh hùng ca với tư cách sản phẩm của sáng tác cá nhân (*Eneide* của Vergilius, *La Henriade* của Voltaire).

Ở những tác phẩm văn học tự sự thuộc các thể tài thể sự tuy không chú ý khám phá quá trình anh hùng của sự hình thành dân tộc nhưng chú ý khám phá các trạng thái hài kịch của quá trình ấy, cũng có sự nảy sinh những anh hùng ca bằng văn xuôi (*Gargantua và Pantagruel* của F. Rabelais, *Những linh hồn chết* của Gogol, *Đào chim cánh cụt* của A. France).

Ở các thế kỷ XIX - XX, văn học tiểu thuyết (vốn tập trung khám phá sự hình thành tính cách của các cá nhân

con người), do đào sâu sự suy tư trên các vấn đề lịch sử dân tộc, đã đi tới chỗ sáng tạo ra thể tài tiểu thuyết anh hùng ca, cũng được gọi là tiểu thuyết sử thi (roman-épopée). Ở một loạt tiểu thuyết sử thi, sự hình thành những tính cách các nhân vật chính được đặt trong liên hệ phối thuộc với các sự kiện có quy mô lịch sử dân tộc (*Chiến tranh và hòa bình* của L. Tolstoi, *Sông Đông êm đềm* của M. Sholokhov) hoặc lịch sử một vùng địa lý lịch sử thế giới (*Trăm năm cô đơn* của G. Garcia Marquez). Một số tiểu thuyết khác có thể được gọi là tiểu thuyết mang tính sử thi anh hùng, trong đó sự hình thành các tính cách nhân vật chính diễn ra trong quá trình họ tham dự một cách tích cực, chủ động vào các sự kiện lịch sử (*Piotr đệ nhất* của A. N. Tolstoi, *Những người cộng sản* của L. Aragon). (Xem thêm: *Sử thi*).

ẨN DỤ

Một hiện tượng ngôn ngữ, đồng thời là một hiện tượng tư duy. Trong nghĩa hẹp, ẩn dụ là biện pháp tu từ (có trong mọi ngôn ngữ) chuyển đặc tính của đối tượng (sự vật, hiện tượng) này cho đối tượng khác, theo nguyên tắc có sự tương đồng hoặc tương phản về một mặt nào đó giữa chúng. Nếu ở so sánh có mặt cả hai thành phần được so sánh (ví dụ: *Thân em như dải lụa đào; Đôi ta như lửa mới nhen / Như trăng mới rạng như đèn mới khêu* - Ca dao Việt Nam); thì ẩn dụ là so sánh ngầm. Ví dụ ở các câu: *Đào tiên đã bén tay phàm; Trông*

lên mặt sắt đen sì (Nguyễn Du - *Truyện Kiều*) thì “đào tiên” trở người con gái đẹp, “mặt sắt đen sì” trở viên quan xử kiện.

Ẩn dụ nổi bật ở tính biểu cảm, mở ra những khả năng vô tận cho việc nhìn ra nét gắn nhau của những sự vật, hiện tượng khác xa nhau. Về thực chất, ẩn dụ là một cách nghĩ mới về đối tượng; nó có thể phát hiện bản chất ẩn giấu của đối tượng. Thơ ca phương Đông có vô số những ẩn dụ được tạo ra và trở thành những điển cố, được nhập vào vốn thi liệu chung. Không hiếm khi ẩn dụ là biểu hiện cái nhìn độc đáo cá nhân của nghệ sĩ; khác với những ẩn dụ đã trở nên thông tục, những ẩn dụ mang tính độc đáo cá nhân là một trình độ cao của thông tin nghệ thuật, bởi vì nó chuyển đổi tượng (và ngôn từ) thoát khỏi lối cảm thụ máy móc. Cần phân biệt ẩn dụ với tư cách một hiện tượng thường thấy ở phạm vi ngôn ngữ, với ẩn dụ theo nghĩa rộng, như là kiểu hình tượng liên tưởng do trí tưởng tượng tạo ra ở những tình huống nhất định và nhất là với mục đích biểu cảm thẩm mỹ. Nhiều nhà nghiên cứu gắn sự nảy sinh hình tượng ẩn dụ với giai đoạn tự phát của sự tri giác thế giới - thời kỳ nguyên thủy của mọi nền văn hóa và ngôn ngữ. Rất có thể ẩn dụ nảy sinh vào thời đại tan rã của ý thức thần thoại (bởi vì không thể có ẩn dụ trong ý thức thần thoại và ý thức vật linh luận, ở đó còn chưa chia tách được thế giới cần nhận thức và con người nhận thức thế giới ấy). Sự nảy sinh ẩn dụ trở thành điểm khởi đầu cho quá trình trừu tượng hóa các ý niệm cụ thể, điểm khởi đầu cho sự hình thành hình tượng nghệ thuật. Vào thời mà đời người còn được lý giải như là do thượng đế

an bài và mọi thứ ở đời (tự nhiên, lịch sử, đời người...) còn đầy rẫy những hàm nghĩa tượng trưng bí ẩn, nghệ thuật và sách vở thời trung đại đã xây dựng cả một hệ thống tượng trưng thuần nhất hoàn toàn mang tính ẩn dụ. Ý thức dân gian - với các lối tính lịch, các dấu hiệu về “điểm”, “triệu”, các lời tiên tri... - cũng tạo ra dạng thức các tượng trưng ẩn dụ của mình. Thời cận đại - mà khâu trung tâm là việc con người trở thành chính mình chứ không phải con người bị chiếm lĩnh bởi “thế giới bên kia” - thời con người tìm kiếm sự cân bằng “tôi và thế giới”, văn học phản ánh quá trình này trong cái gọi là “phong cách cổ điển”, loại trừ lối ẩn dụ chủ thể khách quan. Ở thơ ca thế kỷ XX, ẩn dụ trở thành phương thức tăng cường nỗ lực và tự do sáng tạo của nghệ sĩ.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng ẩn dụ là cơ sở cấu trúc của hình tượng nghệ thuật. Ẩn dụ có vai trò trong nhận thức của con người và trong nghệ thuật: nó đem lại sự sắc bén và sáng rõ cho ý tưởng, nó làm mới lại đối tượng, tạo ra hình tượng cảm tính cụ thể sắc nét, biểu hiện được những xúc cảm sống động nhưng tiềm ẩn, làm tăng ấn tượng. Ở hình tượng nghệ thuật ẩn dụ, việc chuyển các dấu hiệu từ một đối tượng này sang đối tượng khác, việc trùng hợp chúng với những khác biệt mang tính ngụ ý - tạo ra một sự hình dung mới. Ở ẩn dụ thể hiện bản chất đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật.

Ẩn dụ là đặc tính không chỉ của nghệ thuật ngôn từ, mà còn của các loại hình nghệ thuật khác, ví dụ nhiếp ảnh tư liệu nghệ thuật, nơi mà ẩn dụ bộc lộ bằng lắp ghép